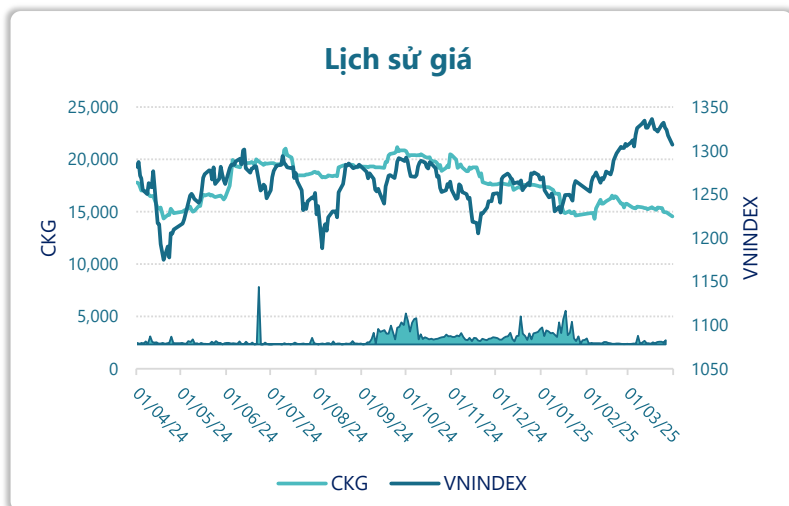


CTCP Tập đoàn Tư vấn đầu tư và Xây dựng Kiên Giang (HSX: CKG)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	18,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	21,172
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,320
SL cổ phiếu LH	95,259,361
KLGD BQ 20 phiên (CP)	67,330
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,800
P/E	14.7
EPS	1,282

DT thuần
Q1/25

139

tỷ VNĐ

QoQ: ▼353| -71.8%

YoY: ▼142| -50.7%

LN sau thuế
Q1/25

21.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼25.9| -54.5%

YoY: ▼4.90| -18.4%

Tỷ suất lãi EBIT
2024

13.7%

+/- YoY: ▼ 3.7%

DT thuần
2024

1,294

tỷ VNĐ

YoY: ▼7.00| -0.5%

LN sau thuế
2024

123

tỷ VNĐ

YoY: ▼32.0| -21.0%

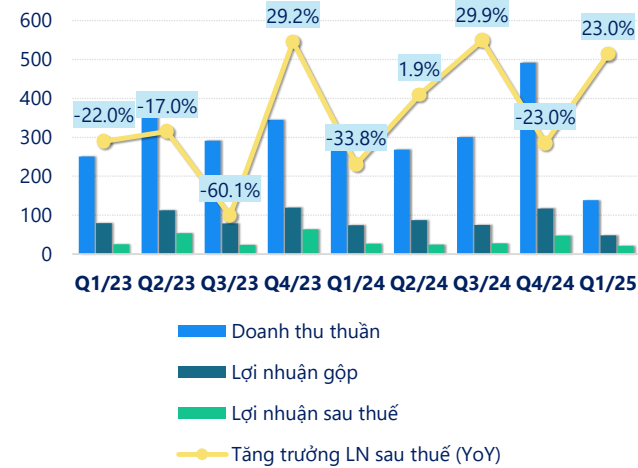
ROE
2024

8.6%

+/- YoY: ▼ 2.8%

tỷ VNĐ

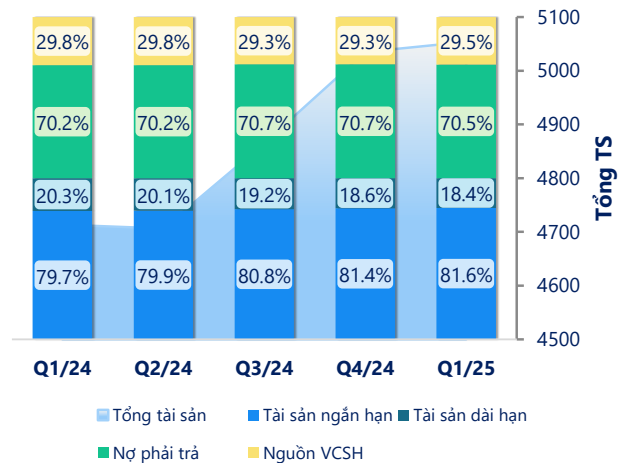
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

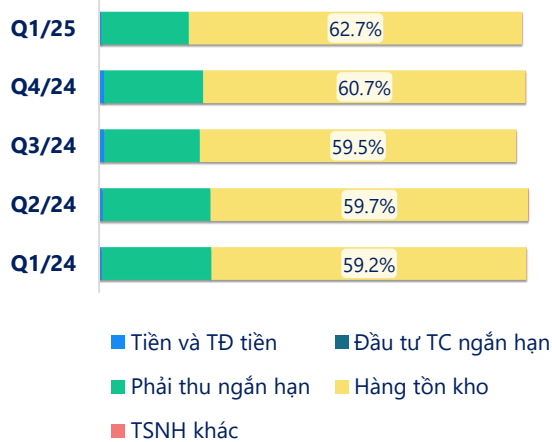
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



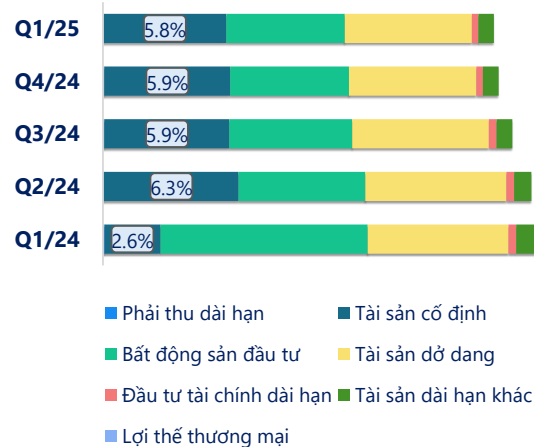
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

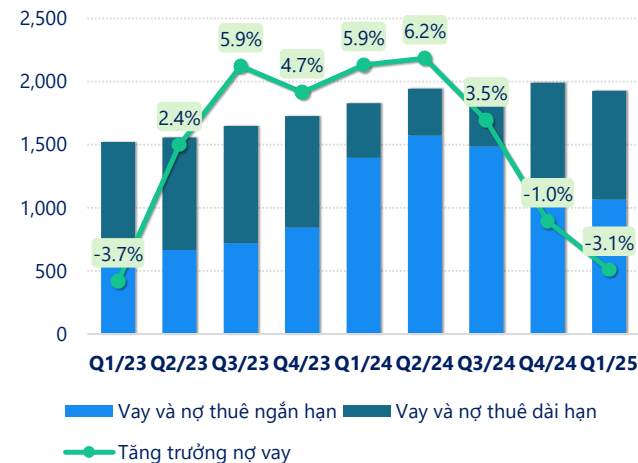
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

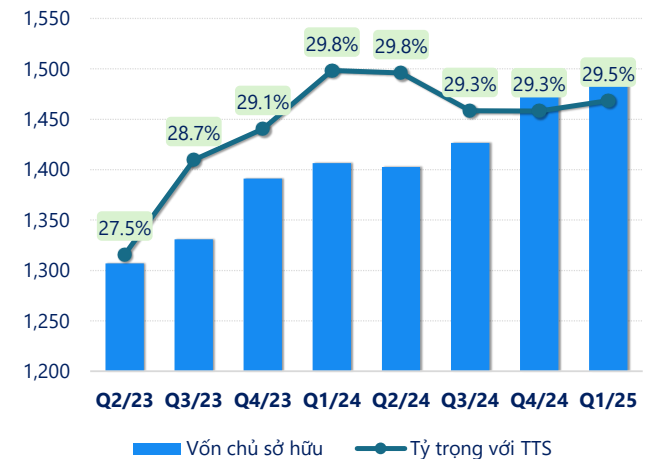
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

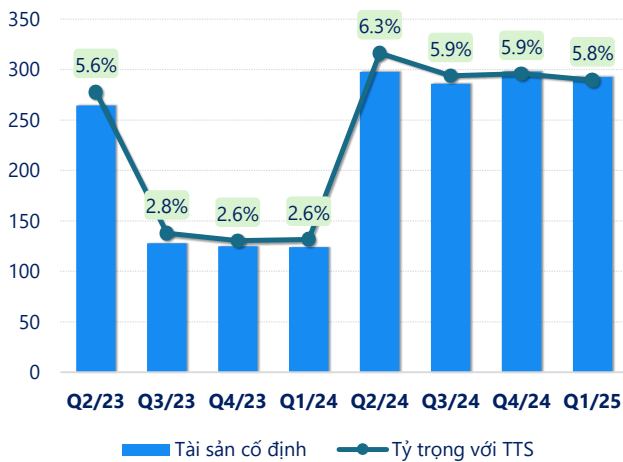

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

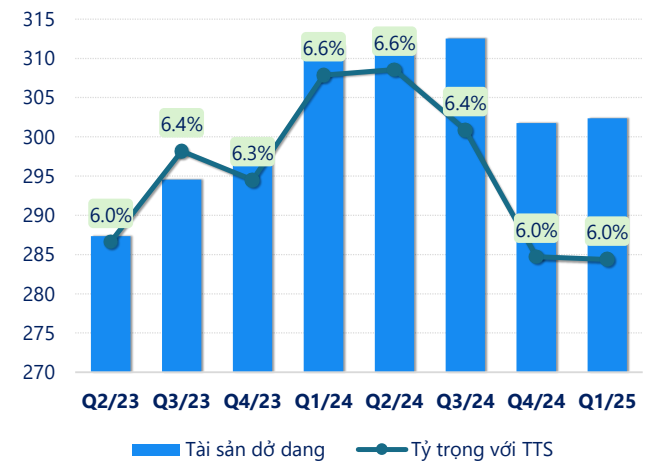

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

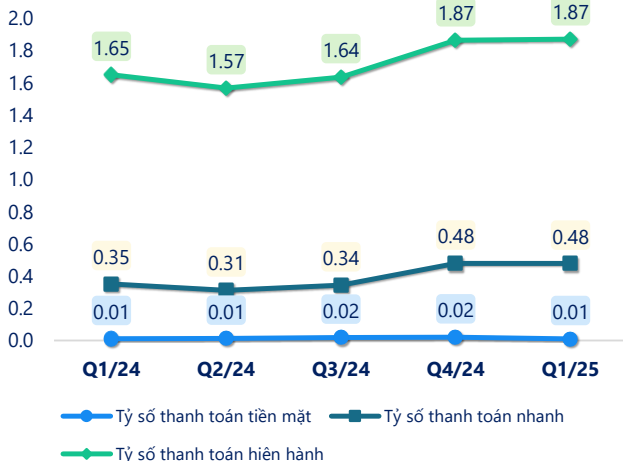
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

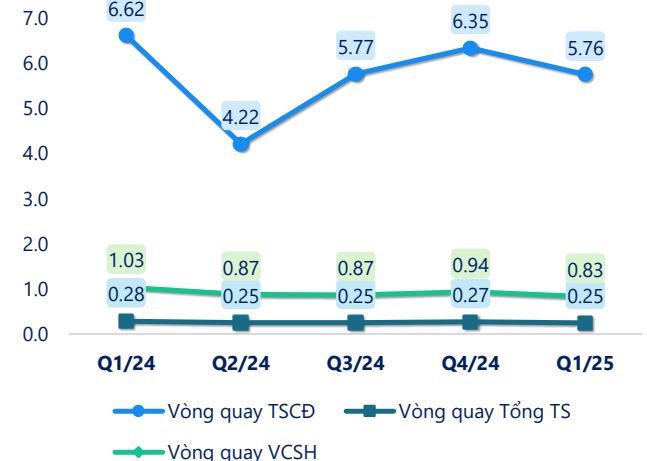
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	4,714	4,706	4,866	5,035	5,054
Tài sản ngắn hạn	3,756	3,759	3,929	4,098	4,125
Tiền và tương đương tiền	23.4	29.6	44.5	45.0	21.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50
Phải thu ngắn hạn	774	702	769	1,002	1,029
Hàng tồn kho	2,956	3,012	3,104	3,046	3,071
Tài sản ngắn hạn khác	2.29	15.0	10.7	4.03	2.72
Tài sản dài hạn	958	948	936	937	929
Phải thu dài hạn	3.45	2.59	3.45	3.45	0.86
Tài sản cố định	124	298	286	298	293
Bất động sản đầu tư	459	280	281	281	281
Tài sản dở dang	312	312	313	302	302
Đầu tư tài chính dài hạn	17.2	17.2	17.9	15.5	15.5
Tài sản dài hạn khác	42.1	37.7	35.9	37.4	36.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	3,307	3,304	3,439	3,559	3,565
Nợ ngắn hạn	2,276	2,398	2,401	2,197	2,204
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,396	1,574	1,486	1,074	1,066
Phải trả người bán ngắn hạn	168	144	145	132	118
Nợ dài hạn	1,032	906	1,038	1,362	1,361
Vay và nợ thuê dài hạn	432	368	524	915	861
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,406	1,403	1,427	1,476	1,489
Vốn chủ sở hữu	1,406	1,403	1,427	1,476	1,489
Vốn điều lệ	953	953	953	953	953
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)